

Bản án số: **26/2024/DS-ST**  
Ngày: 19-4-2024  
Về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng  
tín dụng*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ánh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hồng Hải

Bà Nguyễn Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 330/2024 ngày 13 tháng 11 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 330a/2024/QĐST -DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S (S1)

Địa chỉ trụ sở: 2 N, phường H, quận C, TP .;

Địa chỉ liên hệ: B N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng .

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V ; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch N. (*Theo giấy quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022*).

Ông Nguyễn Văn V uỷ quyền lại cho ông Lê Công P, chức vụ: Phó phòng G; Địa chỉ: B N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Theo giấy uỷ quyền số 03/2024/GUQ-PGDNT) ngày 17/01/2024).*

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thiện Hoàng T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: B N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2023 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Lê Công P trình bày:*

Ngày 16 tháng 04 năm 2015, bà Phan Thiện Hoàng T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền giao dịch đầu tiên là 92.361.200 đồng. Lãi suất áp dụng 1,916%/ tháng (lãi suất trong hạn), và được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thực hiện giao dịch tổng cộng 31 lần với tổng số tiền giao dịch là 2.987.444.900 đồng và đã thanh toán tổng cộng 37 lần với tổng số tiền thanh toán là 2.937.161.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau này, khách hàng dùng thẻ nhưng không thanh toán đúng hạn, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/02/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 15/02/2019, tổng phí trễ hạn là 5.977.128 đồng, phí vượt hạn mức là 320.939 đồng, phí thường niên là 2.997.000 đồng, lãi trong hạn là 31.515.935 đồng, và gốc tính đến thời điểm quá hạn là 91.102.902 đồng (khoản gốc này đã bao gồm các khoản phí, lãi và phí thường niên nêu trên).

Qua ngày 16/02/2019 S1 sẽ bắt đầu tính lãi quá hạn theo quy định điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với lãi quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại, phù hợp với điều 22 của điều khoản đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ, lãi suất tại thời điểm tính lãi quá hạn là 1.916%/tháng, lãi suất quá hạn được tính là 2.874%/tháng.

Ngày 21/10/2021 khách hàng có thanh toán số tiền là 10.000.000 đồng tương ứng số tiền gốc giảm còn 81.102.902 đồng. Lãi quá hạn được tính tương ứng:  $91.102.902 \times 2.874\%/30 \times 986 + 81.102.902 \times 2.874\%/30 \times 880 = 154.427.698$  đồng.

Tính đến ngày 26/03/2024 bà T còn nợ ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 81.102.902 đồng; Lãi quá hạn: 154.427.698 đồng. Tổng cộng: 235.530.600 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi nghìn, sáu trăm đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Trâm vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân Hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn buộc bà T trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/03/2024 là: Dư nợ gốc: 81.102.902 đồng; Lãi quá hạn: 154.427.698 đồng. Tổng cộng: 235.530.600 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm ba mươi nghìn, sáu trăm đồng*). Bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/03/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, bên bị đơn chịu toàn bộ án phí và các chi phí liên quan khác (nếu có).

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - S1 trình bày số tiền nợ gốc của bà Phan Thiện Hoàng T tính đến ngày 26/03/2024 là 81.102.902 đồng, so với đơn khởi kiện ban đầu Ngân hàng khởi kiện là 91.102.902 đồng có sự chênh lệch về số liệu, nguyên nhân là do sự nhầm lẫn trong tính toán số liệu của Ngân hàng vì bản chất trước đây khi Ngân hàng khởi kiện thì bà T đã có thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 10.000.000 đồng vào ngày 21/10/2021.

*Bị đơn Bà Phan Thiện Hoàng T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo hòa giải và thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lệ nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự .

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S1 buộc bà Phan Thiệu Hoàng T phải thanh toán cho S1 số tiền tính đến Tính đến ngày 26/03/2024 còn nợ ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 81.102.902 đồng; Lãi quá hạn: 154.427.698 đồng. Tổng cộng: 235.530.600 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ 27 tháng 3 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền trên thì bà T phải trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết và theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại Kết quả xác minh ngày tại Công an phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng ghi nhận: Bà Phan Thiệu Hoàng T trước đây có hộ khẩu thường trú tại B N, tổ E phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng nhưng từ năm 2018 đã đi khỏi địa chỉ nêu trên, bà T đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ. Bị đơn đã thay đổi nơi cư trú ghi trong hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư mới. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 BLDS năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trong trường hợp này, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho Bị đơn là có cơ sở theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

Bị đơn là bà Phan Thiệu Hoàng T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 16 tháng 4 năm 2017, bà Phan Thiệu Hoàng T có ký với S1 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là

100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,916%/tháng, lãi suất quá hạn 2,874%/tháng (1,916% x 150%) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, đến ngày 15 tháng 02 năm 2019 bà Phan Thiện Hoàng T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 02 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp nhưng bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thiện Hoàng T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 26/03/2024 còn nợ ngân hàng các khoản sau: Dư nợ gốc: 81.102.902 đồng; Lãi quá hạn: 154.427.698 đồng. Tổng cộng: 235.530.600 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy: Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng" được phê duyệt ngày 16 tháng 4 năm 2015 giữa S1 với bà Phan Thiện Hoàng T; "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1 (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2014", Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định S1 có cho Bà Phan Thiện Hoàng T vay tổng số tiền có hạn mức 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,916%/tháng, lãi suất quá hạn 2,874%/tháng (1,916% x 150%), với mục đích tiêu dùng cá nhân thỏa thuận theo các văn bản đã nêu trên. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc bà Phan Thiện Hoàng T phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 26/3/2024 là Dư nợ gốc: 81.102.902 đồng; Lãi quá hạn: 154.427.698 đồng. Tổng cộng: 235.530.600 đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Bà Phan Thiện Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 11.776.530 đồng.

[5] Hoàn trả cho S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP S đối với bà Phan Thiện Hoàng T.

Buộc Bà Phan Thiện Hoàng T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 26/3/2024 là Dư nợ gốc: 81.102.902 đồng; Lãi quá hạn: 154.427.698 đồng. Tổng cộng: 235.530.600 đồng.

Kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2024, bà Phan Thiện Hoàng T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S với lãi suất theo "*Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng*" được phê duyệt ngày 16 tháng 4 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP S với Bà Phan Thiện Hoàng T và "*Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2014*" tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: 11.776.530 đồng (*Mười một triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi đồng*) bà Phan Thiện Hoàng T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 5.571.669 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn, ba trăm lẻ sáu đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0002298 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**3.** Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã ký)**

**Trần Thị Kim Ánh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**